TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2025
V/v "*Không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Ông Ngô Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Dương Ngọc Tuấn, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Tổ 35, ấp Đông Bình Nh, xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Tổ 35, ấp Đông Bình Nh, xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Nh, huyện Châu Th, An Giang.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 16/12/2024 nguyên đơn anh Dương Ngọc Ttrình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân

do cha mẹ định đoạt, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Giữa anh và chị L đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai có thiện chí hàn hàn tình cảm vợ chồng. Nay anh không còn tình cảm với chị L nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Dương Kim H, sinh ngày 06/01/2009 và Dương Ngọc Th, sinh ngày 27/02/2011. Hiện các con chung đang sống với anh. Sau ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 22/01/2025:

- Về hôn nhân: Chị và anh Tchung sống với nhau năm 2008, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện chị không còn tình cảm, đồng ý ly hôn với anh Tuấn.

- Về con chung: Thống nhất lời trình bày của anh Tuấn. Khi ly hôn chị đồng ý giao các con chung cho anh Ttiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Anh Dương Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Tuy nhiên, giữa anh và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 cho đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đối với yêu cầu "Ly hôn" của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp giữa anh Tvới chị L là "Tranh chấp khác về Hôn nhân và Gia đình" được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại ấp Đông Bình Nh, xã Vĩnh Th, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các thông báo văn bản tố tụng theo quy định tại 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ngày 10/4/2025 chị L và ngày 24/4/2025 anh Tcó đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ đơn xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh Tvà chị L Ngày 14/10/2024 tại UBND xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, tỉnh An Giang và ngày 10/3/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang: Xác nhận giữa anh chị chung sống với nhau như vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân được quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Tvà chị L là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Giữa anh Tvà chị L có 02 con chung Dương Kim H, sinh ngày 06/01/2009 và Dương Ngọc Th, sinh ngày 27/02/2011. Hiện các con chung do anh Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Tyêu cầu tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng; Chị L không tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con. Đồng thời, tại văn bản trình bày ý kiến của các con cùng ngày 16/12/2024 thể hiện các con có nguyện vọng tiếp tục ở với cha là anh Tuấn. Do đó, yêu cầu của anh Tphù hợp với quy định tại các Điều 15, Điều 53 , 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Anh Tcùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Tkhông yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh Tlà nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Anh Tuấn, chị L có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84; Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Ngọc Tuấn. Không công nhận anh Dương Ngọc Tvà chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Dương Ngọc Ttiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Dương Kim H, sinh ngày 06/01/2009 và Dương Ngọc Th,sinh ngày 27/02/2011. Anh Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Anh Dương Ngọc Tcùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Dương Ngọc Tphải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007968 ngày 16/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Dương Ngọc Tvà chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang